

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ THIỆN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 03/5/2024

“*V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ksor Juh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Rmah Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Huê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai ghi biên bản.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về “ Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐST-DS ngày 21/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Quang T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. vắng mặt lần 2

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/10/2023, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Quang T trình bày:

Tôi có bán cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn T1 trú tại thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai thức ăn chăn nuôi. Mỗi lần bán đều ghi nợ trong sổ và đến

ngày 06/6/2022 tôi và bà H có chốt sổ là còn nợ lại tôi số tiền 112.461.000 đồng và hẹn trả dần từ đó cho đến tháng 5 năm 2023 là hết. Tuy nhiên, từ khi chốt nợ thì bà H và ông T1 không thực hiện việc trả nợ theo cam kết. Tôi đã tới nhà đòi rất nhiều lần tuy nhiên vợ chồng bà H và ông T1 tìm mọi cách tránh mặt. Nay tôi yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà H và ông T1 phải trả cho tôi số tiền 112.461.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ tháng 5/2023 theo quy định với mức lãi suất là 0,83%/tháng đến ngày xét xử là 11 tháng

*\*Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/10/2023 bà H trình bày vợ chồng bà có mua cám vịt của ông Hồ Quang T làm nhiều đợt trong nhiều năm. Đến năm 2021 có chốt sổ thì vợ chồng bà còn nợ ông Hồ Quang T số tiền 112.461.000 đồng theo như ông T khai là đúng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin cứ 6 tháng bà trả cho ông T1 10.000.000 đồng cho đến hết số nợ trên. Khoản nợ trên là của vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn ông Trần Văn T1 hiện nay vẫn sinh sống tại thôn T, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Ông T1 đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án một cách hợp lệ và đã biết việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 và bà H trả nợ tiền gốc và lãi nhưng ông T1 không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông T1 cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 227 BLTTDS. Bị đơn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa theo Giấy triệu tập.

*Về nội dung vụ án:* Trên cơ sở chứng cứ, lời khai của các bên đương sự trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 112.461.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

*Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại thông báo thụ lý vụ án tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xác định lại quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền, quy định tại Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280 và khoản 2 Điều 402 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Các đương sự đều cư trú tại huyện P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Về căn cứ xác lập nghĩa vụ trả tiền:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị H và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để kết luận: Ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị H có nợ tiền mua cám để nuôi vịt của ông Hồ Quang T. Ngày 06/6/2022 bà H có cộng sổ và chốt lại số nợ còn lại là 112.461.000 đồng và hẹn trả dần cho đến tháng 5 năm 2023 là kết thúc số nợ trên. Từ ngày chốt nợ trên đến nay bà H và ông T1 không có thực hiện việc trả nợ cho ông T như lời cam kết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông T1 trả nợ số tiền là 112.461.000 đồng. Xét thấy số trên nợ trên là tiền mua thức ăn chăn nuôi mà vợ chồng bị đơn mua nợ của anh T, mặc dù một mình chị H đứng ra chốt nợ với anh T nhưng đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị H, anh T1 để phát triển kinh tế gia đình. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H và ông T1 có nghĩa vụ trả số nợ trên là có căn cứ, hợp pháp nên cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh **T** yêu cầu vợ chồng chị **H**, anh **T1** trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy ngày 06/6/2022 chị **H** viết giấy xác nhận lại nợ là 112.461.000 đồng và hẹn đến tháng 5 năm 2023 trả dứt điểm nhưng đến nay chưa trả. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả. Giấy khất nợ thể hiện chị **H** hẹn trả dần cho anh **T1** cho đến tháng 5 năm 2023. Tuy nhiên không xác định cụ thể ngày nào của tháng 5 năm 2023. Nên HĐXX xác định cụ thể ngày tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2023 đến ngày 03/5/2024 là 11 tháng x 0,83%/tháng x 112.461.000 đồng = 10.267.609 đồng. Do đó, buộc bà **H** và ông **T1** phải trả cho nguyên đơn tiền lãi trên nợ gốc chậm trả 10.267.609 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 6.136.430 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho anh **T** đã nộp là 2.811.525 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008183 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự Áp dụng Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, 357, khoản 2 Điều 402 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự khoản 20 Điều 3, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông **Trần Văn T1** và bà **Nguyễn Thị H** trả cho ông **Hồ Quang T** số tiền 122.728.609 (Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm lẻ chín) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 112.461.000 đồng và tiền lãi là 10.267.609 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** ông **Trần Văn T1** và bà **Nguyễn Thị H** phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.136.430 đồng

Hoàn trả cho ông **Hồ Quang T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.811.525 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008183 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Phú Thiện;
- Chi cục THADS (khi án có hiệu lực);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ksor Juh**

